

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C**

TỈNH LONG AN

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn giữa

Chị N với anh D

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm: 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Số 305, Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm: 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh D cưới nhau vào năm 2009, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D đánh bạc, nhậu nhẹt không quan tâm đến gia đình vợ con. Mọi việc trong nhà anh D đều bỏ mặc để một mình chị lo liệu tất cả. Chị có nhiều lần góp ý khuyên anh D nhưng anh D không thay đổi mà giữa vợ chồng còn thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 4/2018 đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh D, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần M, sinh ngày 23/02/2009, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh D trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Anh thống nhất với chị N về thời gian cưới, đăng ký kết hôn và những nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Anh thừa nhận trong lúc chung sống anh cũng có đôi lúc ham chơi, không quan tâm, chăm lo cho vợ con chu đáo, mọi việc trong nhà một mình chị N lo. Tuy nhiên, thời gian sau này anh đã từ bỏ không còn ăn chơi nữa nhưng chị N vẫn còn buồn phiền không chịu hàn gắn tình cảm với anh nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nay anh còn thương chị N nên không đồng ý ly hôn với chị N nhưng hiện tại thì anh không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị N.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần M, sinh ngày 23/02/2009, hiện tại đang sống với chị N, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2]. Về nội dung vụ án:

Chị N và anh D cưới nhau vào năm 2009, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2009 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh D đánh bạc, nhậu nhẹt không quan tâm đến gia đình vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai không cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh D, phía anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh D cũng không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên Trần M, sinh ngày 23/02/2009, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, anh D cũng đồng ý nên cần ghi nhận. Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị N và anh D đều trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N về việc “tranh chấp ly hôn” đối với anh Nguyễn Mạnh D.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị N được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần M, sinh ngày 23/02/2009. Anh Nguyễn Mạnh D không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000054 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Út